

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TAM KỲ
TỈNH QUẢNG NAM**

Số: 165/2022/QĐST-DS

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Tam Kỳ, ngày 07 tháng 9 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TAM KỲ, TỈNH QUẢNG NAM

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Kim Thanh

2. Ông Nguyễn Hồng Sơn

Căn cứ vào các điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 200/2021/TLST-DS ngày 22 tháng 11 năm 2021;

XÉT THẤY:

- Về quan hệ pháp luật: Ông Nguyễn Hữu N khởi kiện yêu cầu bà Huỳnh Thị T phải trả lại phần diện tích đất đã lấn chiếm và tháo dỡ tài sản của bà T trên thửa đất số 28.7, tờ bản đồ số 36 tại phường An P, thành phố T, tỉnh QN đã được UBND TP T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC994424 ngày 31/12/2010 đứng tên ông Nguyễn Hữu N (chính lý biến động).

Qua kết quả thẩm định đã xác định phần diện tích đất tranh chấp là 19.2m² nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC994424; bà Huỳnh Thị T cũng thừa nhận sau thời điểm làm xong đường bê tông, bà mới biết phần diện tích này thuộc quyền quản lý sử dụng của ông N; bà T không tranh chấp quyền sử dụng đất với ông N. Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp “*Yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất và buộc tháo dỡ tài sản trên đất*”, căn cứ vào Điều 100 Luật đất đai năm 2013 và Điều 26, Điều 35 BLTTDS năm 2015, HĐXX giải quyết theo luật định.

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hữu N, sinh năm 1975; trú tại: Thôn 2, xã TL huyện Tiên P, tỉnh QN.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hữu B, sinh năm 1981; trú tại: Tổ 4, khối phố Phú A, phường An P, thành phố T, tỉnh QN (có mặt).

- Bị đơn: Bà Huỳnh Thị T; sinh năm 1985; trú tại: 407 Trần CV, thành phố T, tỉnh QN.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Đỗ Thị L, sinh năm 1984; trú tại: Phường Tân T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam (có mặt).

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Bà Huỳnh Thị T tự nguyện chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất đối với phần diện tích 19.2m² thuộc thửa đất số 28.7, tờ bản đồ số 36 (Theo hồ sơ CSDL thuộc thửa số 98, tờ bản đồ số 48) đã được UBND TP T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC994424 ngày 31/12/2010 tại khối phố Phú A, phường An P, thành phố T, tỉnh QN, đứng tên ông Nguyễn Hữu N (chính lý biến động). Buộc bà Huỳnh Thị T có nghĩa vụ tháo dỡ toàn bộ tài sản trên 19.2m² đất của thửa đất nêu trên gồm: 02 trụ sắt và bê tông (tương ứng với 19.2m²) chạy dọc theo thửa đất, mặt giáp đường bê tông hướng Tây rộng 42cm, mặt giáp cuối thửa đất rộng 1,12m; dày 15cm; khối lượng bê tông là 2,88m³. Thời hạn tháo dỡ cuối cùng là ngày 15/3/2023.

Trong trường hợp, bà Huỳnh Thị T vi phạm cam kết đã thỏa thuận, ông Nguyễn Hữu N có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án thi hành theo luật định.

- Án phí và chi phí tố tụng:

Bà Huỳnh Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Chi phí tố tụng là 10.280.236 đồng, mỗi bên chịu ½ tương ứng với 5.140.236 đồng/người. Bà Huỳnh Thị T có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Nguyễn Hữu N số tiền 5.140.236 đồng.

Kể từ ngày ông Nguyễn Hữu N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Huỳnh Thị T không thanh toán số tiền chi phí tố tụng, thì phải chịu thêm tiền lãi chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền nợ gốc và thời gian chậm thi hành án.

Hoàn lại cho ông Nguyễn Hữu N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009399 ngày 22/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND thành phố Tam Kỳ;
- Cơ quan THADS TP Tam Kỳ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ánh Nguyệt

Tam Kỳ, ngày 07 tháng 9 năm 2022

BIÊN BẢN THẢO LUẬN

Vào lúc 15 giờ 00 ngày 07/9/2022, tại Phòng nghị án, Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Kim Thanh; ông Nguyễn Hồng Sơn

Căn cứ vào các điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 200/2021/TLST-DS ngày 22 tháng 11 năm 2021;

XÉT THẤY:

- Về quan hệ pháp luật: Ông Nguyễn Hữu Năng khởi kiện yêu cầu bà Huỳnh Thị Tuyết phải trả lại phần diện tích đất đã lấn chiếm và tháo dỡ tài sản của bà Tuyết trên thửa đất số 28.7, tờ bản đồ số 36 tại phường An Phú, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam đã được UBND TP Tam Kỳ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC994424 ngày 31/12/2010 đứng tên ông Nguyễn Hữu Năng (chính lý biến động).

Qua kết quả thẩm định đã xác định phần diện tích đất tranh chấp là 19.2m² nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC994424; bà Huỳnh Thị Tuyết cũng thừa nhận sau thời điểm làm xong đường bê tông, bà mới biết phần diện tích này thuộc quyền quản lý sử dụng của ông Năng; bà Tuyết không tranh chấp quyền sử dụng đất với ông Năng. Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp “*Yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất và buộc tháo dỡ tài sản trên đất*”, căn cứ vào Điều 100 Luật đất đai năm 2013 và Điều 26, Điều 35 BLTTDS năm 2015, HĐXX giải quyết theo luật định.

- Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

Hội đồng xét xử thảo luận và thống nhất thông qua.

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hữu Năng, sinh năm 1975; trú tại: Thôn 2, xã Tiên Lộc, huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hữu Ba, sinh năm 1981; trú tại: Tổ 4, khối phố Phú Ân, phường An Phú, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam (có mặt).

- Bị đơn: Bà Huỳnh Thị Tuyết; sinh năm 1985; trú tại: 407 Trần Cao Vân,

thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Đỗ Thị Lý, sinh năm 1984; trú tại: Phường Tân Thạnh, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam (có mặt).

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Bà Huỳnh Thị Tuyết tự nguyện chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất đối với phần diện tích 19.2m² thuộc thửa đất số 28.7, tờ bản đồ số 36 (Theo hồ sơ CSDL thuộc thửa số 98, tờ bản đồ số 48) đã được UBND TP Tam Kỳ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC994424 ngày 31/12/2010 tại khối phố Phú Ân, phường An Phú, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam, đứng tên ông Nguyễn Hữu Năng (chỉnh lý biến động). Buộc bà Huỳnh Thị Tuyết có nghĩa vụ tháo dỡ toàn bộ tài sản trên 19.2m² đất của thửa đất nêu trên gồm: 02 trụ sắt và bê tông (tương ứng với 19.2m²) chạy dọc theo thửa đất, mặt giáp đường bê tông hướng Tây rộng 42cm, mặt giáp cuối thửa đất rộng 1,12m; dày 15cm; khối lượng bê tông là 2,88m³. Thời hạn tháo dỡ cuối cùng là ngày 15/3/2023.

Trong trường hợp, bà Huỳnh Thị Tuyết vi phạm cam kết đã thỏa thuận, ông Nguyễn Hữu Năng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án thi hành theo luật định.

- Án phí và chi phí tố tụng:

Bà Huỳnh Thị Tuyết phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Chi phí tố tụng là 10.280.236 đồng, mỗi bên chịu ½ tương ứng với 5.140.236 đồng/người. Bà Huỳnh Thị Tuyết có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Nguyễn Hữu Năng số tiền 5.140.236 đồng.

Kể từ ngày ông Nguyễn Hữu Năng có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Huỳnh Thị Tuyết không thanh toán số tiền chi phí tố tụng, thì phải chịu thêm tiền lãi chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền nợ gốc và thời gian chậm thi hành án.

Hoàn lại cho ông Nguyễn Hữu Năng số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009399 ngày 22/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Biên bản thảo luận kết thúc vào lúc 15 giờ 10 cùng ngày.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA